

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2019/HSPT
Ngày 30 tháng 7 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long
Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1955 tại Thanh Hóa; địa chỉ cư trú: Thôn K, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H sinh năm 1951 và 05 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 28/3/2018 đến 22/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bị hại: Anh Trần Hoài N, sinh ngày 08/4/1974; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 18, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: thôn K, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình thành lập Công ty cổ phần đầu tư và thương mại HTP, Chợ Cửa khẩu Quốc tế B2, huyện N1, tỉnh Kon Tum, Nguyễn Ngọc Đ với tư cách là Tổng Giám đốc đã kêu gọi góp vốn đầu tư vào Công ty.

Ngày 15/5/2016, Nguyễn Ngọc Đ đã ký kết hợp đồng liên danh với Doanh nghiệp tư nhân PT (do anh Trần Hoài N làm chủ doanh nghiệp) với nội dung cùng hợp tác đầu tư xin thủ tục và thi công các công trình tại khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên, dự án xây dựng Chợ Cửa khẩu Quốc tế B2 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên Ngân hàng N - Chi nhánh TP Hạ Long chưa cho vay số tiền 30.000.000.000 đồng như đã cam kết và sau khi ký kết hợp đồng nêu trên, anh N đã từ chối việc góp vốn theo nội dung đã thỏa thuận trước đó (1.000.000.000 đồng). Trong khi đó, ngoài số vốn của mình và 300.000.000 đồng góp vốn của ông Trần Quốc H3 (thông qua tư cách pháp nhân của công ty TNHH MTV V Gia Lai), Nguyễn Ngọc Đ nhận thấy công ty của mình chưa chính thức hoạt động nên không có thu nhập để chi trả các khoản thuê mặt bằng, trả lương nhân viên...; đồng thời đang cần tiền để chi phí cho việc đi lại, quan hệ, thuê người thiết kế các hạng mục công trình, hoàn tất các thủ tục xin dự án.

Trong thời gian ký kết hợp đồng liên danh với anh Trần Hoài N, Nguyễn Ngọc Đ biết anh N có con trai là Trần Vũ Đăng K1 sinh năm 2000, hiện đang học lớp 10 tại Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời, thông qua mối quan hệ bạn bè với ông Đoàn Xuân T1 (trú tại 83 đường L, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) có vợ là Lưu Thị Minh K2 đã từng xin được cho một người cháu vào học tại Trường Văn hóa III - Bộ Công an (tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) nên Đ đã chủ động liên lạc hỏi thăm và nhờ bà K2 xin giúp người cháu vào học tại trường này mà không nói cụ thể xin vào hệ đào tạo nào (hệ cử tuyển hoặc hệ công lập tự chủ). Sau đó, tại trụ sở Công ty HTP (số 79 đường B1, phường T3, thành phố K, tỉnh Kon Tum), Nguyễn Ngọc Đ đã đưa ra thông tin đối với anh N là mình có mối quan hệ thân thiết với một số cán bộ lãnh đạo giữ chức vụ cao trong cơ quan Nhà nước, có thể xin cho cháu K1 được vào học hệ A (cử tuyển) tại Trường Văn hóa III - Bộ Công an để sau này được xét tuyển vào ngành công an mà không phải trả chi phí ăn học và xin việc làm với số tiền 200.000.000 đồng, đưa trước 100.000.000 đồng. Do tin tưởng thông tin Nguyễn Ngọc Đ đưa ra, ngày 24/6/2016 anh N đã giao 100.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc Đ thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản số 58010000193944 tại Ngân hàng B tỉnh Bình Định của anh Hoàng Minh Th1 (là con rể bị cáo Đ; trú tại xóm 10, xã H4, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa). Sau đó, Nguyễn Ngọc Đ đã nhờ bà K2 mua hồ sơ rồi đưa cho anh N hoàn tất thủ tục gửi lại cho Đ; Đ điền thông tin cháu K1 vào bìa hồ sơ rồi đưa cho bà K2; bà K2 liên hệ nhờ chị Nguyễn Thúy H5 (trú tại 35 đường Th2, phường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - là Phó trưởng bộ môn khoa học tự nhiên Trường Văn hóa III - Bộ Công an) nộp. Sau đó, nhà trường đã đồng ý tiếp nhận cháu K1 vào học lớp 11, hệ công

lập tự chủ và thông báo cho gia đình anh N biết.

Sau khi nhận thông báo nhập học, thấy hệ học của cháu K1 không giống như thông tin hứa hẹn mà Nguyễn Ngọc Đ đã đưa ra trước đây và qua tìm hiểu thấy việc cho con đi học sẽ không có kết quả như mong muốn. Do đó, anh N không làm thủ tục nhập học cho con, đồng thời liên lạc với Đ qua điện thoại để đòi lại tiền thì được Đ thông tin với nội dung: do cháu K1 không phải là người dân tộc nên chỉ được nhận vào học hệ Công lập tự chủ; tuy nhiên, Đ đã chi phí hết 150.000.000 đồng để nhờ mối quan hệ và cấp lãnh đạo sau này K1 được đi theo con đường hệ cử tuyển, nhưng anh N không đồng ý thì Đ hứa hẹn sẽ trả lại tiền. Nội dung cuộc nói chuyện đã được anh N ghi âm và cung cấp cho cơ quan điều tra.

Ngày 18/4/2017, anh Trần Hoài N gửi đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt 100.000.000 đồng của Nguyễn Ngọc Đ đến Công an tỉnh Kon Tum. Quá trình điều tra vụ án, thời gian đầu Đ khai nhận số tiền 100.000.000 đồng mà anh N chuyển cho bị cáo là khoản tiền góp vốn theo thỏa thuận liên danh đã ký kết; sau khi chuyển tiền thì anh N mới nhờ bị cáo xin cho con vào học tại Trường Văn hóa III - Bộ Công an. Sau này, vì không tiếp tục hợp tác làm ăn nữa nên anh N đòi lại tiền, bị cáo không có tiền trả lại nên mới nói là tiền đã dùng để xin học cho con anh N; bị cáo không có tội. Nhưng từ ngày 07/6/2018 đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm thì bị cáo khai nhận đã đưa ra thông tin không đúng sự thật làm anh N tin tưởng giao tiền cho bị cáo; sau khi nhận tiền thì bị cáo dùng để chữa bệnh, chi phí đi lại làm thủ tục của dự án và chi tiêu cá nhân mà không dùng tiền để lo cho con anh N vào học hệ cử tuyển tại Trường Văn hóa III - Bộ Công an như đã hứa. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì bị cáo lại chối tội, cho rằng quá trình điều tra bị cáo ốm nặng và bị tạm giam, Điều tra viên nói bị cáo nhận tội thì sẽ cho tại ngoại để chữa bệnh nên phải ký vào các biên bản ghi lời khai do Điều tra viên tự viết mà không đọc nội dung, viết bản tự khai theo lời đọc của điều tra viên; những lời nhận tội đó không đúng sự thật, bị cáo không có tội.

Số tiền 100.000.000 đồng nhận của anh N, ngày 04/8/2017 Nguyễn Ngọc Đ đã trả cho anh N 65.000.000 đồng; còn lại 35.000.000 đồng anh N thống nhất cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (thuộc điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999). Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 02 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án và được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ 28/3/2018 đến 22/8/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án

sơ thẩm, cho rằng: Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xét xử sai thẩm quyền; sử dụng các chứng cứ không hợp pháp, không đúng sự thật khách quan để tuyên phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là trái pháp luật, oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ thay đổi kháng cáo, thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng pháp luật, không oan nên bị cáo thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với việc bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là tự nguyện, không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng pháp luật, không oan. Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo thì thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng điều luật và khung hình phạt; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xem xét đặc điểm nhân thân và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên đã quyết định xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả trả lại phần lớn số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân đau yếu bệnh nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn và có cha được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, bảo đảm chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh và cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại Đơn kháng cáo đề ngày 25/3/2019, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xét xử và tuyên phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là trái pháp luật, oan cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ trình bày trong thời gian từ khi nộp đơn kháng cáo đến nay, bản thân đã ăn năn, hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình nên bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo, không kháng cáo kêu oan mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ đã thành khẩn khai nhận: Trong quá trình làm việc với anh Trần Hoài N về việc góp vốn đầu tư, Nguyễn Ngọc Đ biết bản thân không có khả năng nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối là có thể xin cho con anh N (cháu K1) được vào học hệ A trường Văn hóa III - Bộ Công an (*là hệ dành cho con em đồng bào dân tộc ít người do Công an các tỉnh cử đi; cháu K1 không thuộc đối tượng này*) với số tiền 200.000.000 đồng làm anh N tin tưởng, giao trước cho Đ số tiền 100.000.000 đồng để Đ xin học cho cháu K1. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền này thì bị cáo Đ chỉ nhờ người quen nộp hồ sơ cho cháu K1 được vào học hệ công lập tự chủ (hệ B) mà không sử dụng để xin chuyển trường cho cháu K1 vào hệ cử tuyển (hệ A) theo lời hứa hẹn với anh N; số tiền 100.000.000 đồng đã nhận của anh N, bị cáo Đ đã dùng để khám chữa bệnh, đi lại liên hệ dự án và sử dụng cá nhân hết. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại anh Trần Hoài N, lời khai của những người làm chứng Lưu Thị Minh K2, Hoàng Minh Th1, Nguyễn Thúy H5 và lời khai của bản thân bị cáo tại Bản tự khai và các Biên bản hỏi cung bị can vào ngày 07/6/2018 (BL.188-193), ngày 17/7/2018 (BL.195,201,202), ngày 18/7/2018 (BL.203-204), ngày 20/8/2018 (BL.362-364). Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng pháp luật.

[3] Xét việc thay đổi kháng cáo của bị cáo Đ thì thấy: Theo nội dung tại mục [2] nêu trên đã kết luận bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Do đó, lý do bị cáo đưa ra là bản thân đã ăn năn, hối cải, nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên bị cáo xin thay đổi toàn bộ nội dung tại Đơn kháng cáo ngày 25/3/2019, không kháng cáo kêu oan mà kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội rất nghiêm trọng của bị cáo và đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt; bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do bị cáo đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả trả lại 65.000.000 đồng cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 35.000.000 đồng còn lại và bản thân bị cáo Đ bị bệnh nặng, phải thường xuyên điều trị. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 02 năm tù là phù hợp, có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày lý do trước đây tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không nhận tội là vì bị cáo nghĩ rằng đã trả lại tiền cho anh N; việc bị cáo hứa hẹn xin chuyển trường cho cháu K1 chủ yếu làm anh N tin tưởng góp vốn đầu tư vào Công ty của bị cáo để cùng thực hiện dự án liên danh khai thác cát (với thỏa thuận anh N góp vốn 01 tỷ đồng) nhưng do anh N không thực hiện việc góp vốn trong khi bị cáo đang xúc tiến các thủ tục xin phê duyệt dự án, bản thân bị cáo lại bị di chứng tai biến mạch máu não, sức khỏe yếu nên bị cáo đã dùng số tiền của anh N đã đưa để trả lương cho nhân viên, chữa bệnh hết. Bị cáo rất ân hận về việc đã nói dối với anh N về việc xin học cho cháu K1 và việc sử dụng số tiền của anh N đã chuyển cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo còn trình bày bản thân đã có thời gian tham gia phục vụ chiến trường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1968 đến năm 1969; bị cáo có cha ruột là ông Nguyễn Ngọc Th được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bị cáo nêu trên là có căn cứ, do đó cần áp dụng bổ sung tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xem xét thêm các tình tiết khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt 02 năm tù do Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là mức khởi điểm của khung hình phạt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và chỉ thực hiện một hành vi phạm tội; ngoài lần phạm tội này thì bị cáo có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và có nhiều tình tiết tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra, hiện nay sức khỏe của bị cáo rất yếu do bị di chứng tai biến mạch máu não từ đầu năm 2017, hiện đang điều trị bệnh rối loạn tuần hoàn não tại Bệnh viện đa khoa huyện H2, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên tòa, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách được ấn định theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

[1] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ **02** (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04** (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ không phải chịu.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Bị hại; bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền